

Bản án số: 23/2017/DS-ST

Ngày: 23/8/2017

“V/v Tranh chấp hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG - TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Đang.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Phước.**

2. Bà **Dương Thị Tú Phương.**

Thư ký Tòa án: Ông **Ngô Văn Trường** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long: Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2017/TLST – DS ngày 16 tháng 02 năm 2017, về việc: “*Tranh chấp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2017/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 64/2017/QĐST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Dương Th.S** - sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Bà **Lê Th.L** – sinh năm 1941.

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh **Bùi V.V.**

Địa chỉ: Ấp L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Anh **Trần V.L** - sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Chị S và anh L có mặt tại phiên tòa, bà L và anh V vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 02 năm 2017 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án chị Dương Th.S trình bày: Vào ngày 15 tháng 10 năm 2012 bà Lê Th.L có tham gia 01 phần hội mùa, số tiền hội là 5.000.000đ do chị S làm chủ hội. Ngày 30/10/2013 bà L hốt hội, tính đến ngày mãn hội thì bà L nợ lại hội chết 11 lần với số tiền 55.000.000đ. Ngoài ra bà L còn tham gia dây hội 1.000.000đ, bà L đã hốt hội xong, đến khi mãn hội còn nợ 5 lần hội chết với số tiền 5.000.000đ. Cả hai dây hội này đã mãn mà bà L vẫn chưa trả tiền mà chị S đã đóng hội thay cho bà L. Nay chị S yêu cầu bà L trả cho chị S số tiền nợ hội là 60.000.000đ. Chị S xác định hai dây hội này là tài sản riêng của chị S vì mọi giao dịch hội với những người chơi hội đều do chị S thực hiện, anh V và anh L không biết và không có tham gia.

* Bị đơn bà Lê Th.L thừa nhận có tham gia chơi hội chị Dương Th.S làm chủ, thừa nhận còn nợ chị Dương Th.S tiền hội là 60.000.000đ, do mọi giao dịch bà L đều tham gia với chị S, không có giao dịch với anh V và anh L, nên bà L đồng ý trả cho chị S số tiền nợ hội là 60.000.000đ.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh V đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh L thừa nhận số tiền 60.000.000đ mà chị S dùng đóng hội thay cho bà L là tài sản riêng của chị S. Anh L không có ý kiến và yêu cầu gì trong vụ án này cả.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Dương Th.S giữ nguyên yêu cầu và ý kiến. Không cung cấp tài liệu chứng cứ mới.

- Bị đơn bà Lê Th.L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi V.V đã được triệu tập xét xử hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh L giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến khi ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đối với Hội đồng xét xử và Thư ký tính từ thời điểm bắt đầu phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Dương Th.S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần V.L tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn Lê Th.L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi V.V vi phạm khoản 15 và 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Th.S, buộc bà Lê Th.L có nghĩa vụ trả cho chị Dương Th.S số tiền nợ hội là 60.000.000đ.

*** Các tình tiết của vụ án:**

- Các đương sự trình bày thống nhất: Hai dây hụi bà L tham gia do chị S làm chủ hụi được xác lập trong thời kỳ hôn nhân của chị S và anh V, kết thúc trong thời kỳ hôn nhân của chị S và anh L.

- Nguyên đơn chị Dương Th.S và bị đơn bà Lê Th.L thống nhất: giao dịch hụi được xác lập giữa chị S và bà L anh V và anh L không có tham gia; Thống nhất bà L còn nợ tiền hụi của chị S 60.000.000đ và thống nhất trước khi mở phiên tòa là bà L đồng ý trả cho chị S số tiền nợ hụi 60.000.000đ.

- Nguyên đơn chị Dương và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần V.L thống nhất: Số tiền nợ hụi 60.000.000đ là tài sản riêng của chị Dương Th.S.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Bùi V.V được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa. Không có văn bản nộp cho Tòa án thể hiện ý kiến của anh V về yêu cầu của chị S đối với bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự: Chị Dương Th.S khởi kiện yêu cầu bà Lê Th.L trả tiền nợ hụi, được Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý - giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Do bà L và anh V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà L và anh V theo quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Dương Th.S: Chị S xác định bà L có tham gia hai dây hụi do chị S làm chủ, đến khi mãn hụi bà L còn nợ chị S số tiền nợ hụi là 60.000.000đ; Bà L thừa nhận có tham gia hụi và có nợ hụi chị S số tiền 60.000.000đ, bà L đồng ý trả cho chị S số tiền 60.000.000đ. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh như quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, thể hiện bà L có nợ tiền hụi chị S, nên việc chị S khởi kiện yêu cầu bà L trả tiền nợ hụi là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Hai dây hụi nêu trên được xác lập trong thời kỳ Hôn nhân của chị S và anh V, kết thúc trong thời kỳ hôn nhân giữa anh L và chị S. Chị S và anh L thống nhất chị S đã dùng tài sản riêng của chị S để đóng hụi thay bà L, nên số tiền bà L nợ chị S là tài sản riêng của chị S; Bà L cũng thừa nhận bà chỉ giao dịch hụi với chị S nên đồng ý trả số tiền 60.000.000đ cho chị S. Do anh V đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật, nhưng anh V không có mặt tại Tòa án và cũng không có nộp cho Tòa án văn bản nào thể hiện ý kiến của anh đối với số tiền 60.000.000đ. Nên Tòa án chấp nhận yêu cầu và trình bày của chị S, buộc bà L có nghĩa vụ trả cho chị S số tiền nợ hụi là 60.000.000đ. Khi nào anh V có tranh chấp số tiền này với chị S sẽ được thụ lý giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án là đúng, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 479 của Bộ luật dân sự 2005 và Điều 30 của Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ, buộc bà Lê Th.L trả cho chị Dương Th.S số tiền nợ hui là 60.000.000đ. Do chị S không yêu cầu tính lãi suất, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí dân sự có giá ngạch trong vụ án:

- Do chị S được chấp nhận yêu cầu nên chị S không phải chịu án phí. Chị S đã nộp số tiền tạm ứng án phí 1.500.000đ tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002959 ngày 16 tháng 02 năm 2017, nên chị S được nhận lại số tiền 1.500.000đ.

- Do bà Lê Th.L và chị S đã thỏa thuận được việc trả nợ trước khi mở phiên tòa, nên bà L chỉ phải chịu án phí đối với nghĩa vụ trả nợ là $(2,5\% \times 60.000.000\text{đ} = 750.000\text{đ})$. Tuy nhiên, bà L là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ số tiền án phí phải nộp.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 246, 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 479 của Bộ luật Dân sự 2005;

- Áp dụng các Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ.

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Th.S, buộc bà Lê Th.L có nghĩa vụ trả cho chị Dương Th.S số tiền nợ hui là 60.000.000đ.

2. Về án phí dân sự có giá ngạch:

- Chị Dương Th.S không phải chịu án phí. Chị S đã nộp số tiền tạm ứng án phí 1.500.000đ tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002959 ngày 16 tháng 02 năm 2017, nên chị S được nhận lại số tiền 1.500.000đ.

- Bà Lê Th.L là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ số tiền án phí phải nộp.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án bản án trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận

- VKSND huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Đang